TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 7 - 2023
V/v: Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH.
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hiếu.

2. Ông Lê Văn Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, về "L*y hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Tống Văn Ư, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Tống Văn Ứ trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là bà Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ đầu năm 1989 có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau, bà N có những lời nói, việc làm coi thường, xúc phạm ông. Ông và bà N tuy ở cùng nhà nhưng sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến

nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông Ứ đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Ông Ứ khai, ông và bà Nguyễn Thị N có 03 con chung, các cháu tên là Tống Thị H, sinh ngày 15/8/1989, cháu Tống Thị C, sinh ngày 10/02/1991 và Tống Văn Đ, sinh ngày 22/10/1995. Hiện nay cả 03 cháu đã thành niên nên ông Ứ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông Ứng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 28/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Tống Văn Ứ tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ đầu năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H theo quy định. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Ứ có quan hệ ngoại tình, thường xuyên chửi bới, xúc phạm vợ con khiến không khí gia đình ngột ngạt, căng thẳng. Bà N đã khuyên bảo và cho ông Ứ nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng không có kết quả. Nay ông Ứ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà N cũng đồng ý ly hôn với ông Tống Văn Ứ.

Về con chung: Bà N khai, bà và ông Ứ có 03 con chung, các cháu tên là Tống Thị H, sinh ngày 15/8/1989; cháu Tống Thị C, sinh ngày 10/02/1991 và Tống Văn Đ, sinh ngày 22/10/1995. Hiện nay cả 03 cháu H, C, Đ đã thành niên nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tống Văn Ứ, không công nhận ông Tống Văn Ứ và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do các đương sự không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân mà chỉ hòa giải về các vấn đề khác trong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có khiếu nại quyết định tố

tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng đều đúng quy định theo pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Ông Tống Văn Ứ và bà Nguyễn Thị N đều thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ đầu năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T xác nhận hiện tại Ủy ban nhân dân xã không còn lưu trữ sổ hộ tịch nên không xác định được ông Ứ và bà N có đăng ký kết hôn hay không nhưng ông Ứ và bà N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định, ông Ứ và bà N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 và không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì giữa ông Ứ và bà N sống chung với nhau không đăng ký kết hôn là không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông Ứ có yêu cầu ly hôn, cần áp dụng các quy định này và quy định tại khoản 2, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để không công nhận ông Ứ và bà N là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Ông Ứ và bà N thừa nhận vợ chồng có 03 con chung, các cháu tên là Tống Thị H, sinh ngày 15/8/1989; Tống Thị C, sinh ngày 10/02/1991 và Tống Văn Đ, sinh ngày 22/10/1995. Hiện cả ba cháu đã thành niên, ông Ứ và bà N không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Ông Ứ và bà N không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Ông Tống Văn Ứ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Tống Văn Ứ và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Tống Văn Ứ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Ứ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0002334 ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Ông Ứ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Ứ và bà N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Phong Vũ Văn Hiếu Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**